

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH
Số: ~~9174~~/STC-QLCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

V/v mời báo giá dịch vụ định giá tài sản

Kính gửi: Các Công ty, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định giá tài sản

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, Sở Tài chính đang tổ chức lựa chọn đơn vị có chức năng định giá các tài sản đã được phê duyệt phương án theo Quyết định số 614/QĐ-STC ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Sở Tài chính, cụ thể như sau:

1. Thông tin tài sản cần giám định: 395 danh mục hàng hóa khác nhau, đang được lưu trữ tại kho tang vật C11 Bộ Công an (máy in, bộ nhớ, máy chủ, CPU,...) theo Quyết định thi hành án chủ động số 1175/QĐ-CTHADS ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, (đính kèm danh mục).

2. Thời điểm định giá: năm 2026.

3. Mục đích định giá: xác định giá khởi điểm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT) để bán đấu giá tài sản.

4. Hồ sơ báo giá gồm có:

- Thư chào giá dịch vụ định giá (gửi về Sở Tài chính – Phòng Quản lý Công sản);

- Hồ sơ năng lực của công ty, doanh nghiệp.

5. Thời hạn nộp hồ sơ:

- Bắt đầu: Kể từ ngày phát hành thông báo.

- Kết thúc: sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo được đăng tin trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tại địa chỉ: tcvg.hochiminhcity.gov.vn/.

6. Địa chỉ nộp hồ sơ: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, số 142 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Tài chính thông báo để các đơn vị, doanh nghiệp có chức năng giám định tài sản biết, tham gia./

Ghi chú: các hồ sơ gửi sau thời hạn quy định (tính theo dấu công văn đến của Sở Tài chính) hoặc không đủ thành phần hồ sơ sẽ không được xem xét lựa chọn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTT (đăng Website Sở);
- Lưu: VT, QLCS (ndkhoa.2b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Ngọc Thảo



DANH MỤC TÀI SẢN

Theo Quyết định số 614/QĐ-STC ngày 02 tháng 4 năm 2026

(Định kèm theo Công văn số 9179/STC-OLCS ngày 13 tháng 4 năm 2026)

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|-------------|----------|
| 1 | Máy in laser, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động, hiệu HP, model Laser Jet Pro M404dn, hàng mới 100%, xuất xứ Philippines | cái | 303 |
| 2 | Máy in phun, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động, hiệu Epson, model L1110, hàng mới 100%, xuất xứ Philippines | cái | 25 |
| 3 | Máy in phun, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động, hiệu Canon, model IX6860, hàng mới 100% , xuất xứ Thái Land | cái | 3 |
| 4 | Máy in laser, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động, hiệu HP, model Laser Jet Pro M706n, hàng mới 100%, xuất xứ Philippines | cái | 24 |
| 5 | Máy tính bảng iPad 32 GB, model A2197, hàng mới 100%, trong đó: (1) Mã số MW762 LL/A, số lượng 29 cái; (2) Mã số MW742 LL/A, số lượng 20 cái, xuất xứ China | cái | 49 |
| 6 | Mạch điện tử tích hợp AD637, hàng mới 100%, xuất xứ Malaysia | cái | 12500 |
| 7 | Đồng hồ điện tử thông minh đeo tay Ticwatch, model WF12086, hàng mới 100%, xuất xứ China | cái | 8 |
| 8 | Tai nghe không dây Model WG72016, hiệu Mobvoi, xuất xứ China | cái | 7 |
| 9 | Dây sạc đồng hồ Ticwatch, model WF 20018 (cáp điện đã lắp đầu nối, cách điện Plastic, có đường kính lõi không quá 5 mm), hàng mới 100%, xuất xứ China | cái | 37 |
| 10 | Mạch điện tử tích hợp vi xử lý hiệu Intel, mã số W-2197, hàng mới 100%, xuất xứ Costa Rica | cái | 147 |
| 11 | Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM), không tìm thấy dấu hiệu đã qua sử dụng: RAM có ghi nhãn SPEED, 32 GB DDR4-2133 ECC | cái | 800 |
| 12 | Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM), không tìm thấy dấu hiệu đã qua sử dụng: RAM có ghi nhãn Servex, 32 GB PC4-10600 ECC | cái | 910 |
| 13 | Mạch điện tử tích hợp vi xử lý hiệu Intel, loại i3-9100F, hàng mới 100%, xuất xứ Costa Rica | cái | 180 |
| 14 | Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) nhiều loại khác nhau, không tìm thấy dấu hiệu đã qua sử dụng | cái | 800 |
| 15 | Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) có ghi nhãn PSG 16gb, V10 DDR4 2666, không tìm thấy dấu hiệu đã qua sử dụng | cái | 1925 |
| 16 | Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) có ghi nhãn iMAX 32GB-PC4 2666MHz DDR4, không tìm thấy dấu hiệu đã qua sử dụng | cái | 350 |
| 17 | Bút cảm ứng Apple Pencil Model A2051 và A1603, hàng mới 100%, xuất xứ China | cái | 197 |
| 18 | Chip điện tử nhãn hiệu Intel Core i5 | cái | 33 |
| 19 | Camera Pelco: IL 10-DA, xuất xứ Trung Quốc | cái | 369 |
| 20 | Camera Pelco: IL 10-BA , xuất xứ Trung Quốc | cái | 413 |
| 21 | Đồng hồ thông minh (smart watch) Intel: Basis Peak BS900.00024.01A, xuất xứ Trung Quốc | cái | 404 |
| 22 | Bo mạch các loại, không xác định | cái | 408 |
| 23 | Ổ cứng: Western Digital: WD2500JS, xuất xứ Thái Lan | cái | 1 |
| 24 | Đầu phát tín hiệu Broadsoft: PL-100, xuất xứ không xác định | cái | 86 |
| 25 | Ống đựng huyết thanh, Celltreat: Pipet 2ml, xuất xứ không xác định | cái | 900 |
| 26 | Thẻ cảm biến nhiệt độ (RFID) Intelleflex: TMT-8500, xuất xứ Trung Quốc | cái | 3780 |
| 27 | Thẻ cảm biến nhiệt độ (RFID) Intelleflex: TMT-8510, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1000 |
| 28 | Thẻ cảm biến nhiệt độ (RFID) Intelleflex: TMT-8500-DT, xuất xứ Trung Quốc | cái | 350 |
| 29 | Giá đỡ đèn FT Ultra Led: APS Resource: AP4308, xuất xứ không xác định | cái | 6 |
| 30 | Máy chủ Server: Dell: EMS01, xuất xứ Mỹ | cái | 11 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|----------------|-------------|
| 31 | Máy chủ Server: Dell: EMU, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 32 | Máy chủ Server: Dell: 2950, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 33 | Máy chủ Server: Dell: POWEREDGE 2850, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 34 | Máy chủ Server: Dell: SMP01, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 35 | Máy chủ Server HP: HSTNS-2115, xuất xứ Mexico | cái | 2 |
| 36 | Máy chủ Server HP: HSTNS-1015, xuất xứ Mỹ | cái | 4 |
| 37 | Máy chủ Server HP: HSTNS-1031, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 38 | Máy chủ Server HP: HSTNS-5141, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 39 | Máy chủ Server Microsemi: Snap Server 4500, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 40 | Máy chủ Server Sun Microsystem: X4150/5010, xuất xứ Mỹ | cái | 2 |
| 41 | Máy chủ Server Sun Microsystem: EN2SA, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 42 | Máy chủ Server Sun Microsystem: Fire V100 (380-0585-02) - FJLA, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 43 | Máy chủ Server Sun Microsystem: GS2 (Sun Fire X4200), xuất xứ Mexico | cái | 3 |
| 44 | Máy chủ Server Sun Microsystem: 4300, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 45 | Máy chủ Server Sun Microsystem: 5240, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 46 | Máy chủ Server IBM: 9110 HV2, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 47 | Switch Dell: 2608 (power Connect), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 48 | Switch NetApp: NAE-1101, xuất xứ Đài Loan | cái | 1 |
| 49 | Switch Juniper: EX4200-48P, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 50 | Switch 3Com: 3CR17662 4200G - 48 Port, xuất xứ Trung Quốc | cái | 2 |
| 51 | Switch Centrecom: FS708XL, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 52 | Switch Linksys: EF2H24 – 24 Port, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 53 | Switch Planet: FNSW-1601, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 54 | Switch D-Link: DKVM-8E, xuất xứ Đài Loan | cái | 1 |
| 55 | Switch SMC: 1024DT, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 56 | Switch SMC: Ez switch 10/100ISG140M (5266-900), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 57 | Switch Cisco: SR2016, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 58 | Thiết bị lưu trữ dữ liệu NetApp: NAF-0602, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 59 | Thiết bị lưu trữ dữ liệu NetApp: NAJ-0801, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 60 | Bộ định tuyến Cisco: 2900, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 61 | Bộ định tuyến Cisco: 1700, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 62 | Thiết bị quản lý mạng Infoblox: TRINZIC 800, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 63 | Thiết bị chuyển mạch Cisco: Local Director LDIR-416, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 64 | Thiết bị chuyển mạch Cisco: Local Director, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 65 | Thiết bị tường lửa Sonic Wall: NSA 2400, xuất xứ Đài Loan | cái | 1 |
| 66 | CPU Dell: D03S, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 67 | CPU Dell: D07M, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 68 | CPU Dell: DCSM, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 69 | CPU Dell: DCMF, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 70 | CPU Dell: D07D, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 71 | CPU Dell: WHM, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 72 | CPU Dell: DCTR, xuất xứ không xác định | cái | 12 |
| 73 | CPU Dell: Optiplex 960, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 74 | CPU Dell: Optiplex 755, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 75 | CPU Dell: DTCA (CORE I2), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 76 | CPU Dell: MTC2, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 77 | CPU Dell: DMH, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 78 | CPU Dell: T3400, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 79 | CPU Dell: MMS(XPST450), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 80 | CPU Dell: MMS, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 81 | CPU Dell: D10M, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 82 | CPU Dell: DCTR, xuất xứ không xác định | cái | 3 |
| 83 | CPU Dell: DCSCSF, xuất xứ không xác định | cái | 1 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|----------------|-------------|
| 84 | CPU Dell: DCCY, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 85 | CPU Dell: D13M001, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 86 | CPU Dell: Vostro 460, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 87 | CPU Dell: I707FPt, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 88 | CPU Dell: KB212-B, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 89 | CPU Dell: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 90 | CPU Lenovo: A5U, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 91 | CPU Lenovo: A3U, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 92 | CPU Lenovo: 7723, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 93 | CPU Mazda Technologies: SBC4251, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 94 | CPU Compaq: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 5 |
| 95 | CPU HP: 8300 ELITE, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 96 | CPU HP: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 97 | CPU Gigabyte: Mycro ATX, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 98 | CPU Gigabyte: GZM3BPD-700, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 99 | CPU Sony: CV-7753, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 100 | CPU không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 11 |
| 101 | Máy tính xách tay (Laptop) HP – Compaq: NX9008, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 102 | Máy tính xách tay (Laptop) Lenovo: 3508, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 103 | Máy tính xách tay (Laptop) Lenovo: X220, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 104 | Máy tính xách tay (Laptop) Dell: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 105 | Máy tính xách tay (Laptop) Dell: Latitude 800, xuất xứ Malaysia | cái | 1 |
| 106 | Bộ nguồn Advantech: PS-55A 55W, xuất xứ không xác định | cái | 31 |
| 107 | Bộ nguồn Advantech: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 19 |
| 108 | Bộ nguồn Nspire: ISO-400 300W, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 109 | Bộ nguồn Nspire: POGOLINUX, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 110 | Bộ nguồn Pivotal, không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 8 |
| 111 | Bộ nguồn Power Man: FSP250-60GTV 250W, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 112 | Bộ nguồn Power Man: HP1050, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 113 | Bộ nguồn Power Man: IP-S350CQ2-0 350W, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 114 | Bộ nguồn Liteon: PS-6301-6 300W, xuất xứ Trung Quốc | cái | 3 |
| 115 | Bộ nguồn Cooler Master: RS-460-PSAR-T3 460W, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 116 | Bộ nguồn Pivotal: A Power series, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 117 | Bộ nguồn Pivotal: PCT06028A, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 118 | Bộ nguồn Dell: N750P, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 119 | Bộ nguồn PowerWare: P/N: 101614914-001, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 120 | Bộ nguồn SKF Actuation system: SCU 56-003230-0000, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 121 | Bộ nguồn Life Technologies: BRL - 500 High Current, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 122 | Bộ cấp nguồn liên tục (UPS) APC: Smart Slot - SU5000RMT5U SU5000T 5000VA, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 123 | Bộ cấp nguồn liên tục (UPS) APC: SUI400RM2U 950W, xuất xứ Mỹ | cái | 2 |
| 124 | Bộ cấp nguồn liên tục (UPS) APC: BE650R 650VA, xuất xứ Philippines | cái | 1 |
| 125 | Bộ cấp nguồn liên tục (UPS) APC: BE350U 350VA, xuất xứ Philippines | cái | 3 |
| 126 | Bộ cấp nguồn liên tục (UPS) APC: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 127 | Bộ cấp nguồn liên tục (UPS) Maruson: UPS - POP - 400 400VA, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 128 | Bộ cấp nguồn liên tục (UPS) PowerWare: 3000, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 129 | Bộ cấp nguồn liên tục (UPS) Powervar: ABCE 1440-11 (120VAC), xuất xứ không xác định | cái | 1 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|----------------|-------------|
| 130 | Tủ ác quy cho (UPS) APC: Smart Slot - SU48R3XLBP (PIN), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 131 | Tủ ác quy cho (UPS) PowerWare: 101615015-001, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 132 | Vỏ máy chủ (Serve): Sun Fire V40Z, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 133 | Pin cho UPS APC: BR24BP 1500VA, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 134 | Ổ cứng gắn ngoài Quantum: DLT VS I60E Tape Driver, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 135 | Bộ mở rộng cho Laptop Lenovo: 40AJ, xuất xứ Trung Quốc | cái | 28 |
| 136 | Hộp đựng ổ cứng | cái | 1 |
| 137 | Tủ Rack | cái | 1 |
| 138 | Bàn phím: Dell, xuất xứ không xác định | cái | 84 |
| 139 | Bàn phím: Logitech, xuất xứ không xác định | cái | 66 |
| 140 | Bàn phím: Lenovo, xuất xứ không xác định | cái | 53 |
| 141 | Bàn phím: HP, xuất xứ không xác định | cái | 29 |
| 142 | Bàn phím: Compaq, xuất xứ không xác định | cái | 3 |
| 143 | Bàn phím: Window, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 144 | Bàn phím: Microsoft, xuất xứ không xác định | cái | 61 |
| 145 | Bàn phím: Sun Microsystem, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 146 | Bàn phím: Mitsumi, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 147 | Bàn phím: Acer, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 148 | Bàn phím: Asus, xuất xứ không xác định | cái | 3 |
| 149 | Bàn phím: Adesso, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 150 | Bàn phím: Key Tronic, xuất xứ không xác định | cái | 4 |
| 151 | Bàn phím: Kingston, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 152 | Bàn phím: IBM, xuất xứ không xác định | cái | 3 |
| 153 | Bàn phím: Staples, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 154 | Bàn phím: Goldtouch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 155 | Bàn phím: Beckma Couter, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 156 | Bàn phím: Geor Head, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 157 | Bàn phím: Mazon, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 158 | Bàn phím: Perixx- Periboard, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 159 | Bàn phím: Kensington, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 160 | Bàn phím: Ativa, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 161 | Loa máy tính Kardon: HK 195, xuất xứ không xác định | cái | 8 |
| 162 | Loa máy tính Kardon Midiland: MLI 691H, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 163 | Màn hình (MONITOR) PrimeView: PRV55SNG01UR 55 inch, xuất xứ Hàn Quốc | cái | 1 |
| 164 | Màn hình (MONITOR) Nec: V552 55 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 7 |
| 165 | Màn hình (MONITOR) Nec: PX50XM1A 50 inch, xuất xứ Nhật Bản | cái | 1 |
| 166 | Màn hình (MONITOR) Nec: V463 46 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 4 |
| 167 | Màn hình (MONITOR) Mitsubishi: D2043 55 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 4 |
| 168 | Màn hình (MONITOR) Mitsubishi: LTD422V 42 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 2 |
| 169 | Màn hình (MONITOR) Sony: GXD-L52H1 52 inch, xuất xứ Hàn Quốc | cái | 1 |
| 170 | Màn hình (MONITOR) Dell: 1908WFDf 19 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 171 | Màn hình (MONITOR) Dell: 2007WFPB 20 inch, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 172 | Màn hình (MONITOR) Dell: 2001FP 20 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 173 | Màn hình (MONITOR) Dell: 1908WFPS 19 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 174 | Màn hình (MONITOR) Dell: 1504FP 15 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 175 | Màn hình (MONITOR) Dell: 1905FP 19 inch, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 176 | Màn hình (MONITOR) Dell: P2016t 20 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 177 | Màn hình (MONITOR) Dell: 24 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|----------------|-------------|
| 178 | Màn hình (MONITOR) Gvision: L5PX-TA 15 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 179 | Màn hình (MONITOR) LG: L206WTQS 20 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 180 | Màn hình (MONITOR) ATV: M170CP3 17 inch, xuất xứ Hàn Quốc | cái | 1 |
| 181 | Màn hình (MONITOR) Viewsonic: VG150 15 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 182 | Màn hình (MONITOR) Viewsonic: 17 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 183 | Màn hình (MONITOR) FileMate: 3FMPF215BK15-R 21 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 184 | Màn hình (MONITOR) Samsung: 245BW 24 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 185 | Màn hình (MONITOR) Samsung: T27B350ND 27 inch, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 186 | Màn hình (MONITOR) Samsung: T24B350ND 24 inch, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 187 | Màn hình (MONITOR) Samsung: T27A300 27 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 188 | Màn hình (MONITOR) Gesco: PDI P23LCDD 23 inch, xuất xứ không xác định | cái | 4 |
| 189 | Màn hình (MONITOR) iTech: SOP-17 17 inch, xuất xứ Đài Loan | cái | 1 |
| 190 | TV Panasonic: TC-P50GT25 50 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 191 | TV Sony: KDL-70W850B 70 inch, xuất xứ Mexico | cái | 2 |
| 192 | TV Vizio: E70-F3 70 inch, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 193 | TV Vizio: D70-D3 70 inch, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 194 | TV Vizio: VIZIO P42 HDTV 10A 42 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 195 | TV Hannspree: HSG1075 28 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 5 |
| 196 | TV Samsung: UN60H63 50AF 60 inch, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 197 | TV Sceptre: X42 42 inch, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 198 | TV Sharp: LC-60LE810UN 60 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 199 | TV Sampo: PME-42S6 42 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 200 | TV LG: 32LP620H 32 inch, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 201 | TV Philip: 20FT3310 20 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 202 | TV Westinghouse: UW32S3PW 32 inch, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 203 | TV LED MODULE: COG-VLG7200-02 2,5 inch | cái | 244 |
| 204 | Máy in HP: 1536, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 205 | Máy in HP: CP4025, xuất xứ Nhật Bản | cái | 1 |
| 206 | Máy in HP: 4000N, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 207 | Máy in HP: 1200, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 208 | Máy in HP: MFP MU77 FNW, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 209 | Máy in HP: CC436A, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 210 | Máy in HP: PRO400COLER, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 211 | Máy in HP: C7058A, xuất xứ Nhật Bản | cái | 1 |
| 212 | Máy in HP: COLOR LASER JET 3600DN, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 213 | Máy in HP: LASER JET 24IB, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 214 | Máy in HP: M601, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 215 | Máy in HP: 4635, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 216 | Máy in HP: 8500A, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 217 | Máy in HP: 4050, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 218 | Máy in HP: 6500A, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 219 | Máy in HP: HP600, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 220 | Máy in HP: 51998, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 221 | Máy in HP: C3167A, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 222 | Máy in HP: 8502A/SNPRC-1101-01, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 223 | Máy in HP: ENVY 5055, xuất xứ Thái Lan | cái | 1 |
| 224 | Máy in HP: LaserJet 2200d, xuất xứ Nhật Bản | cái | 1 |
| 225 | Máy in HP: Officejet Pro8620, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 226 | Máy in Brother: MFC-7340, xuất xứ Việt Nam | cái | 2 |
| 227 | Máy in Brother: HL-22, xuất xứ Việt Nam | cái | 1 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|----------------|-------------|
| 228 | Máy in Brother: HL-L8350CDW, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 229 | Máy in Brother: MFC8660DN, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 230 | Máy in Brother: HL3170CDW(HL-31C), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 231 | Máy in Brother: MFC8480DN, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 232 | Máy in Dell: 2330Dn, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 233 | Máy in Dell: 1320C, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 234 | Máy in Canon: H12124, xuất xứ Nhật Bản | cái | 2 |
| 235 | Máy in Canon: K30191, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 236 | Máy in Canon: MX850, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 237 | Máy in Lexmark: X6650, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 238 | Máy in Lexmark: T650n (4062-01A), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 239 | Máy in Oki: N22106A B4600, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 240 | Máy in Epson: XP-200, xuất xứ Philippines | cái | 1 |
| 241 | Máy hủy giấy Fellower: PS60CC, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 242 | Máy scan Scanjet: 5590, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 243 | Máy scan, không nhãn hiệu: không mã hiệu, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 244 | Máy fax Panasonic: KX-fP200, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 245 | Máy fax Brother: Intellifax 2840, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 246 | Hộp mực HP: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 4 |
| 247 | Hộp mực HP: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 5 |
| 248 | Lò vi sóng Amana commercial: RMS 10T, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 249 | Máy pha coffee Keurig: K155, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 250 | Lò nướng Nuwave Bravo: XL 1800, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 251 | Máy hút bụi Kenmore: 72121195000, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 252 | Quạt tản nhiệt Orion: OA125AP-11-1TB, xuất xứ Đài Loan | cái | 13 |
| 253 | Đầu DVD Samsung: TPD-HD941/XAA, xuất xứ Indonesia | cái | 1 |
| 254 | Đầu DVD Samsung: Mazda:, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 255 | Đầu DVD Samsung: H.L., xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 256 | Bộ trộn âm thanh Polycom Vortex: EF2280, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 257 | Bộ xử lý tín hiệu kỹ thuật số Nexia: Nexia TC, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 258 | Tủ mát Danby: DCR120 BLWEY 93.5 lít, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 259 | Tủ mát True: T-49 1268 lít, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 260 | Tủ lạnh Electrolux: FFU2067FW0 20 cu.ft, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 261 | Tủ lạnh Felix Storch: FF-61 156 lít, xuất xứ Slovenia | cái | 1 |
| 262 | Tủ lạnh General Electric Company: GTS22KBPCRWW 21.7 cu.ft, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 263 | Máy nén lạnh Tecumseh: AV205ET0037-B4, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 264 | Bóng đèn Lithonia: TX 400M TB HSB 400W, xuất xứ Mỹ | cái | 2 |
| 265 | Bóng đèn Sylvania: 100W, xuất xứ không xác định | cái | 12 |
| 266 | Máy làm đá Scotsman: AFE424A-1A, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 267 | Điện thoại bàn Polycom: IP335, xuất xứ Trung Quốc | cái | 20 |
| 268 | Điện thoại bàn Polycom: Soundstation 2201-16200-601, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 269 | Điện thoại bàn Polycom: không xác định, xuất xứ không xác định | cái | 13 |
| 270 | Điện thoại bàn Vortel: NT8B31AC-03, xuất xứ Mexico | cái | 1 |
| 271 | Điện thoại bàn Vortel: NT8B30AB-03, xuất xứ Canada | cái | 17 |
| 272 | Điện thoại bàn Vortel: NT8B20AF-03, xuất xứ Mexico | cái | 4 |
| 273 | Điện thoại bàn Lucent: PARTNER-18, xuất xứ Mỹ | cái | 2 |
| 274 | Điện thoại bàn Lucent: PARTNER-18D, xuất xứ không xác định | cái | 3 |
| 275 | Điện thoại bàn Shore Tel: IP230, xuất xứ Trung Quốc | cái | 1 |
| 276 | Điện thoại bàn Cisco: 7911, xuất xứ không xác định | cái | 18 |
| 277 | Điện thoại bàn Nortel: NT8B20AF-03, xuất xứ không xác định | cái | 7 |
| 278 | Ăng ten Intellex: 865-870MHZ, xuất xứ không xác định | cái | 7 |
| 279 | Ăng ten Intellex: IA415.2NRH, xuất xứ không xác định | cái | 1 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|----------------|-------------|
| 280 | Ăng ten Mti Wireless Edge: MT-242026/NRH, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 281 | Ăng ten Mti Wireless Edge: MT-262013/NRH, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 282 | Bộ thu tín hiệu Macom: P/N: MAANAT 0123, xuất xứ không xác định | cái | 4 |
| 283 | Máy sắc ký HP: 5890 Series II, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 284 | Máy sắc ký Teledyne: CombiFlash Companion, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 285 | Máy ly tâm Eppendorf: Centrifuge 5415C, xuất xứ Đức | cái | 2 |
| 286 | Máy ly tâm Eppendorf: Orbit Shaker, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 287 | Máy ly tâm Beckman: GS-15R, xuất xứ Đức | cái | 1 |
| 288 | Máy khuấy Innova: 4300, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 289 | Bộ điều khiển motor Applikon: ADI 1012 (200VA), xuất xứ Hà Lan | cái | 3 |
| 290 | Máy lên men B. Braun: BIOSTAT B - 884033/4, xuất xứ Đức | cái | 6 |
| 291 | Tủ cấy vi sinh VWR Scientific Products Sheldon: 3015, xuất xứ Mỹ | cái | 3 |
| 292 | Tủ cấy vi sinh VWR International: VWR- INCUBATORF AIR 3.6 CF, xuất xứ Đức | cái | 1 |
| 293 | Bơm nhu động Watson: 505U, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 294 | Bơm nhu động Watson: 101 U/R, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 295 | Máy lắc Gyrotory: G2-SHACKER, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 296 | Máy lắc Daigger: OR100-SHACKER, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 297 | Máy lắc Higrò: Genemachines Higrò, xuất xứ không xác định | cái | 4 |
| 298 | Bể ôn nhiệt Julabo: FP50, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 299 | Bể ôn nhiệt NesLab: RTE-111, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 300 | Bể ôn nhiệt NesLab: R- 134A, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 301 | Bể ôn nhiệt Julabo: FPW91 22 lít, xuất xứ Đức | cái | 1 |
| 302 | Máy nén khí không dầu Jun-Air: OF302-4M (120DSI), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 303 | Bếp đun bình cầu có khuấy từ Faithful: 98-11-B 350W, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 304 | Bơm màng Vacuubrand: MZ2C, xuất xứ Đức | cái | 1 |
| 305 | Bơm màng Vacuubrand: Neuberger, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 306 | Hệ thống xử lý chất lỏng tự động Beckman Coulter: BIOMEK 2000, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 307 | Máy phân phối tách chiết chất lỏng tự động Innova Dyne: Nanodrop Fluidics/ Nanodrop II Stage, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 308 | Van chân không Beckman Coulter: Cat No: 719657, xuất xứ Mỹ | cái | 1 |
| 309 | Hệ thống trung hòa Medivators: Medi-Newt, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 310 | Bộ xử lý mẫu Tecan: RWS Log 200/8, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 311 | Máy rửa ống soi Medivators: DSD-201, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 312 | Máy phân tích độ ẩm Mettler: Type LP15, xuất xứ Đức | cái | 1 |
| 313 | Máy phân tích gas Magellan: Tandem Pro Gas Analyzer V2, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 314 | Tủ lạnh âm sâu Thermo Scientific: 8606Forma 651,3 lít, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 315 | Máy trộn mẫu Vortex: VWR VX-2500, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 316 | Máy đo quang phổ Perkin Elmer: 3110, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 317 | Bộ lấy mẫu tự động HP: 79855A, xuất xứ không xác định | cái | 2 |
| 318 | Bơm dung môi Rainin: Dynamax SD200, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 319 | Bơm môi trường nuôi cấy Costar: CS-2000 3134, xuất xứ không xác định | cái | 3 |
| 320 | Bẫy lạnh Savant: RUT405DDA- 120, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 321 | Tủ âm lạnh Genomic: Higrò, xuất xứ không xác định | cái | 3 |
| 322 | Thiết bị đo khả năng vận động của động vật SD Instrumens: Rotor-Rod, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 323 | Quần áo các loại, xuất xứ không xác định | kg | 528 |
| 324 | Giày dép các loại, xuất xứ không xác định | kg | 16 |
| 325 | Thiết bị tổng hợp 7 kênh: PRO7 - 520B, xuất xứ không xác định | bộ | 1 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|----------------|-------------|
| 326 | Tủ cách ly (62x62x68) cm, xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 327 | Khay chứa mẫu, xuất xứ không xác định | cái | 19 |
| 328 | Bình chứa dung môi bằng nhựa: Elga – ESER VOIR (75 lít) , xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 329 | Vỏ tủ bằng kim loại (173 cm x 54 cm), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 330 | Vỏ tủ bằng kim loại (60 cm x 45 cm), xuất xứ không xác định | cái | 1 |
| 331 | Ông nghiệm các loại,..., xuất xứ không xác định | kg | 233 |
| 332 | Cáp điện, cáp mạng, dây nguồn, xuất xứ không xác định | kg | 415 |
| 333 | Máy tính xách tay, màu đen, nhãn hiệu Lenovo, số Serial: P8-NCB 30 12/03 | cái | 1 |
| 334 | Máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu Macbook, số Serial: C02GGK7ADRJ7 | cái | 1 |
| 335 | Máy tính xách tay, màu đen, nhãn hiệu Sony Vaio, số Serial: SVS 13137DZB | cái | 1 |
| 336 | Máy tính xách tay, màu đen, nhãn hiệu Lenovo, số Serial: EB15562097 | cái | 1 |
| 337 | Máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu Sony Vaio, số Service TAG: C3LQYHVR | cái | 1 |
| 338 | Máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu HP, số Serial: CND04701XX | cái | 1 |
| 339 | Máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu Toshiba, số Serial: 4D095510Q | cái | 1 |
| 340 | Máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu HP, số Serial: 5CB23618DY | cái | 1 |
| 341 | Máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu Macbook, số Serial: C2XFCT 3LDH2G | cái | 1 |
| 342 | Máy tính xách tay, màu đen, nhãn hiệu HP, số Serial: CNF1092WFQ | cái | 1 |
| 343 | Máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu Sony Vaio, số Serial: 282722313001063, Service tag: C6007JSJ | cái | 1 |
| 344 | Thùng máy tính để bàn màu đen, nhãn hiệu HP Compact, số Serial: SGH327T6F7 | cái | 1 |
| 345 | Thùng máy tính để bàn không có nhãn hiệu, số Serial: B3MOCISO15841 | cái | 1 |
| 346 | Thùng máy tính để bàn nhãn hiệu HP, số Serial: SGH422SYZG | cái | 1 |
| 347 | Thùng máy tính để bàn màu đen, nhãn hiệu ROBO, mã bảo hành: 5651200313 | cái | 1 |
| 348 | Thùng máy tính để bàn màu đen, không có nhãn hiệu, có bo mạch chủ số Serial B8975ACFB1FD | cái | 1 |
| 349 | Máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu HP, số S/N: 2CB7315R2B; số P/N: GA384UAR#ABA | cái | 1 |
| 350 | Ổ cứng hiệu HITACHI, dung lượng 160GB, số Model: HTS541616J9SA00 | cái | 1 |
| 351 | Ổ cứng gắn liền với màn hình máy tính, nhãn hiệu HP, Seri: No 4CS4260808, Product No E9T93AA#UUF | cái | 1 |
| 352 | 02 Case máy tính: Seagat SN: ZFN0GA8K và Western Digital S/N: WMA YUK992972 | cái | 2 |
| 353 | Máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Inspiron 15R-5537, DPN: YHJN4 A02; 30202/SDPPI/2013.3226 | cái | 1 |
| 354 | 02 Ổ cứng di động, gồm: Kingston SUV400S37/120G và Seagat S/N: 6VV19T6Q | cái | 2 |
| 355 | Case máy tính: Seagat SN: Z6ATOX85; 02USB nhãn hiệu EFY-CA số 54101905122094 và 5410195122091 | cái | 3 |
| 356 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số Imei 359153078991837, số sim 0933.430.539 của Nguyễn Hoàng Lân, pass 220291 | cái | 1 |
| 357 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone X, số Imei 354873092011388, số sim 0961.225.811 của Nguyễn Hoàng Lân, pass 220291 | cái | 1 |
| 358 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu trắng hồng, đã cũ | cái | 1 |
| 359 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Verizon, màu đen, đã cũ | cái | 1 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|----------------|-------------|
| 360 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh rêu, số IMEI: 353893101822824 | cái | 1 |
| 361 | Máy tính bảng, nhãn hiệu Ipad thế hệ 6, màu hồng, Iimei: 35303609 2997987 | cái | 1 |
| 362 | Máy tính xách tay, nhãn hiệu Macbook, màu bạc, đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 363 | Máy tính sách tay, nhãn hiệu Sony Vaio, màu trắng, model: SVS151C1GL, số 545138030001604, đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 364 | CPU máy tính, không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng, Seri: UH81246710197 | cái | 1 |
| 365 | Máy tính bảng Ipad mini 2, màu trắng, Seri: DQVNV4CCFCM8, đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 366 | Máy tính bảng Ipad Pro, màu đen, Seri: DMPY21HBKD7B, đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 367 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy S10, Seri: R58M244BH9X, màu trắng, đã qua sử dụng, có Sim điện thoại số 0938.755.055 | cái | 1 |
| 368 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 XS Max, Seri: G6TZDJ08N704, màu vàng hồng, đã qua sử dụng, số Sim điện thoại số 0909.451.461 | cái | 1 |
| 369 | Điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng, đã qua sử dụng, gắn sim có số thuê bao 0353097556, số IMEI 353330072488764 | cái | 1 |
| 370 | Điện thoại di động Iphone XsMax màu vàng, số IMEI 353097104777973, đã bị hỏng, không sử dụng được | cái | 1 |
| 371 | Điện thoại di động Iphone 12 Promax màu vàng, có số IMEI (sim thực) 356716117190489 và IMEI (sim kỹ thuật số) 356716116934309; đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 372 | Điện thoại di động Nokia 3310 màu xanh đen, đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 373 | Máy tính xách tay Macbook E hiệu Apple màu bạc có số Seri C02YD0G9JK7C đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 374 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone Xs Max, Màu đen, Iimei: 357269095705281, đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 375 | Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng hồng, Seri: 353104101845215, đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 376 | Điện thoại Iphone 12 Pro max mã số: F2LDPZQ00D3Y | cái | 1 |
| 377 | Điện thoại Samsung Galaxy Fold mã số: R38MB0CXXWN | cái | 1 |
| 378 | Máy tính xách tay hiệu Lenovo, số hiệu MO: R9N0B5C09006, màu đen, sản xuất năm 2015 | cái | 1 |
| 379 | Ổ cứng hiệu Transcend, mã số TS500GSJ25C màu đen và trắng mạ crom | cái | 1 |
| 380 | Ổ cứng hiệu Seagate, mã số NA83170X màu đen | cái | 1 |
| 381 | USB hiệu Sandisk, mã số BL180825569B | cái | 1 |
| 382 | Ipad mã số GG7Y403PJMVT | cái | 1 |
| 383 | Điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Oppo A5, số seri C9018848 | cái | 1 |
| 384 | Máy tính xách tay nhãn hiệu Dell XPS, có dán số hiệu 637605 | cái | 1 |
| 385 | 04 Máy tính xách tay, màu đen, nhãn hiệu Dell Vostro 5470, Model P41G, Seri: 6733999226 | cái | 4 |
| 386 | 04 Sổ của Sinhanbank, số hiệu là 00519362, 00519363, 00464051, 00464071 | cái | 4 |
| 387 | 02 Điện thoại di động gồm: (1) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30, số kiểu máy: SM-A305F/DS, số sê-ri: R58M40TX3FZ, tình trạng đã qua sử dụng; (2) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, số máy: MGC73ZA/A, số sê-ri: G6TDR4P50D5M, tình trạng đã qua sử dụng | cái | 2 |
| 388 | CPU máy tính có ổ cứng dữ liệu nhãn hiệu Seagate, có số hiệu S/N: Z2AH1A5H và Date code 12233 | cái | 1 |
| 389 | Điện thoại di động màu đen hiệu Vivo 1915, emei 1: 868797049438973 có gắn thẻ sim số 0376551033, đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 390 | 02 Máy tính xách tay, nhãn hiệu Dell, đã qua sử dụng (01 cái màu ghi và 01 cái màu đen) | cái | 2 |

| STT | Tên, chủng loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|----------------|-------------|
| 391 | Điện thoại di động Xiaomi, mặt trước viền màu trắng, mặt sau màu vàng hồng, bên trong có sim 0973894900 và sim 0926447457 | cái | 1 |
| 392 | 02 USB lưu dữ liệu được trích xuất từ Máy tính xách tay nhãn hiệu Dell và 01 Điện thoại di động Xiaomi | cái | 3 |
| 393 | Máy điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, màu đỏ, số Imei: 357336093704580; số Serial: DX3YG14TKXKQ; được gắn sim số điện thoại: 093.140.3776 | cái | 1 |
| 394 | Máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 màu vàng đã qua sử dụng | cái | 1 |
| 395 | Máy tính xách tay nhãn hiệu Thinkpad Lenovo màu đen đã qua sử dụng | cái | 1 |